

V/v “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

Tại đơn khởi kiện và tại các buổi làm việc tại Tòa án, nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần N có ông Trần Phát H đại diện theo ủy quyền trình bày:

Vietcombank có ký hợp đồng phát hành một thẻ tín dụng Amex số AP00703621 vào ngày 06/03/2013, loại thẻ tín chấp cho ông Huỳnh Văn P, số CMND: 025329090, địa chỉ hộ khẩu: 364/7/35B đường B, Phường A, Quận B, TP.HCM; địa chỉ cơ quan: Trung tâm chính hình và phục hồi chức năng TP.HCM – 70 đường Q, Phường C, Quận D (nay là phường X), TP.HCM, với tổng hạn mức là: 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng).

Sau một thời gian chi tiêu, đến tháng 04/2017 thẻ tín dụng trên chậm thanh toán sao kê và Ngân hàng đã liên hệ ngay với Ông P để yêu cầu trả nợ. Ngân hàng đã liên hệ với Ông P qua nhiều tháng như gọi điện thoại, nhắn tin, gửi công văn thông báo nhưng Ông P vẫn cố tình không thanh toán nợ thẻ. Vì vậy, Ngân hàng TMCP N chi nhánh TP.HCM đã khởi kiện Ông P ra Tòa án nhân dân Quận 3 vào ngày 16/07/2018 với số tiền là 137.136.945 đồng. Sau nhiều lần liên hệ nhắc nợ thì Ông P có trả nợ dần như sau:

- + Ngày 02/08/2018, trả nợ số tiền 20.000.000 đồng
- + Ngày 08/10/2018, trả nợ số tiền 10.000.000 đồng
- + Ngày 07/05/2019, trả nợ số tiền 10.000.000 đồng
- + Ngày 15/08/2019, trả nợ số tiền 10.000.000 đồng
- + Ngày 17/01/2020, trả nợ số tiền 10.000.000 đồng

Tính đến ngày 12/12/2025, Ông P còn nợ Vietcombank số tiền là: 193.437.478 đồng (Một trăm chín mươi ba triệu bốn trăm ba mươi bảy ngàn bốn trăm bảy mươi tám đồng), với chi tiết như sau: nợ gốc 102.338.109 đồng, nợ lãi và phí 91.099.369 đồng

Bị đơn – ông Huỳnh Văn P đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông P không có mặt tại Tòa án để trình bày ý kiến bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Tại phiên tòa:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Trần Phát H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bị đơn là ông Huỳnh Văn P phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần N số nợ tính đến ngày 02/02/2026 là 196.827.222 đồng, trong đó nợ gốc là 102.338.109 đồng, lãi và phí là 94.489.113 đồng.

Bị đơn – ông Huỳnh Văn P vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, các đương sự, thẩm phán, thư ký và hội đồng xét xử tuân thủ đúng các quy định của bộ luật tố tụng dân sự. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn - Ngân hàng TMCP N khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng với bị đơn ông Huỳnh Văn P theo đó nơi làm việc của ông P là tại Trung tâm chính hình và Phục hồi chức năng Thành phố Hồ Chí Minh, số 70 đường Q, phường X, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng bị đơn – ông Huỳnh Văn P vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn:

Căn cứ vào giấy Đề nghị phát hành Thẻ tín dụng Quốc tế Vietcombank kèm Hợp đồng ngày 06/3/2013 đã ký giữa Ngân hàng TMCP N và ông Huỳnh Văn P xác định ông Huỳnh Văn P có sử dụng thẻ tín dụng quốc tế Vietcombank Vietnam Airlines Platinum American Express do Ngân hàng TMCP N phát hành. Theo đó ông P được cấp hạn mức sử dụng thẻ là 200.000.000 đồng để tiêu dùng cá nhân. Lãi và phí áp dụng theo bản điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng quốc tế của Vietcombank.

Việc thỏa thuận của các đương sự tại Đề nghị phát hành Thẻ tín dụng Quốc tế Vietcombank ngày 06/3/2013 và bản điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng quốc tế Vietcombank Ngân hàng TMCP N là phù hợp với quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015, mức lãi suất thỏa thuận phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91 của Luật Các tổ chức tín dụng và Quy chế cho vay số 1627 ngày 31/12/2001 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Giao dịch giữa các bên được xác lập trên cơ sở bình đẳng, tự nguyện, hợp pháp nên có giá trị pháp lý, làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của các bên đối với nhau.

Quá trình thực hiện hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng nói trên, đến tháng 04/2017 ông P đã không trả nợ theo thỏa thuận. Qua nhiều lần nhắc nhở nhưng ông P vẫn không trả nợ nên Ngân hàng đã khởi kiện ông P ra Tòa án nhân dân có thẩm quyền ngày 16/7/2018 với số tiền là 137.136.945 đồng thì ông P có tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng số tiền tổng cộng 60.000.000 đồng rải rác từ tháng 8 năm 2018 đến tháng 01 năm 2020. Tuy nhiên từ đó đến nay ông P không tiếp tục trả nợ.

Như vậy do ông P không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như đã thỏa thuận là vi phạm khoản 1, Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử có căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc ông Huỳnh Văn P phải trả cho Ngân hàng TMCP N nợ gốc là: 102.338.109 đồng và phải trả phí, lãi phát sinh quá hạn theo quy định tại điểm b, khoản 5 Điều 466 của Bộ luật dân sự đến ngày 02/02/2026 là 94.489.113 đồng. Tổng cộng là 196.827.222 đồng.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: do yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định tại khoản 1, Điều 147 của Bộ luật Tố

tụng dân sự và khoản 2, Điều 26, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3, Điều 26; Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39; khoản 1, Điều 147; khoản 2, Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273; Điều 278; Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463; khoản 1, khoản 5 Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự.

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn – Ngân hàng Thương mại Cổ phần N:

Buộc bị đơn - ông Huỳnh Văn P phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần N số tiền bao gồm:

- Nợ gốc: 102.338.109 đồng (một trăm lẻ hai triệu ba trăm ba mươi tám nghìn một trăm lẻ chín) đồng.

- Lãi và phí: 94.489.113 (chín mươi bốn triệu bốn trăm tám mươi chín nghìn một trăm mười ba) đồng

Tổng cộng là: 196.827.222 (một trăm chín mươi sáu triệu tám trăm hai mươi bảy nghìn hai trăm hai mươi hai) đồng

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất đã thỏa thuận tại Đề nghị phát hành Thẻ tín dụng Quốc tế Vietcombank Vietnam Airlines Platinum American Express ngày 06/3/2013 đã ký giữa Ngân hàng TMCP N với ông Huỳnh Văn P và bản điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng quốc tế Vietcombank Vietnam Airlines Platinum American Express của Ngân hàng TMCP N.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Huỳnh Văn P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 9.841.361 (chín triệu tám trăm bốn mươi một nghìn ba trăm sáu mươi một) đồng.

- Hoàn lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần N số tiền tạm ứng án phí 3.428.424 (ba triệu bốn trăm hai mươi tám nghìn bốn trăm hai mươi bốn) đồng theo biên lai thu số AA/2017/0021131 ngày 01/8/2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo: Ngân hàng Thương mại Cổ phần N được kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ông Huỳnh Văn P được quyền kháng

cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tp.HCM;
- VKSND Khu vực 1, Tp. HCM;
- THA DS TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu VP, Hồ sơ.



**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Duy